

VẬN DỤNG ĐẶC ĐIỂM VỀ PHƯƠNG THỨC CẤU TẠO CỦA TỪ PHÁI SINH TRONG TIẾNG ANH ĐỂ CÙNG CỐ NGUỒN TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CẢNH SÁT

Lê Hương Hoa⁽¹⁾, Trần Tấn Thành⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

Ngày nhận bài 20/02/2021; Ngày gửi phản biện 28/02/2021; Chấp nhận đăng 29/04/2021

Liên hệ Email: hoalehuong@yahoo.com

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2021.03.191>

Tóm tắt

Từ vựng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ. Theo Wilkins (1972), nếu người học không học ngữ pháp thì họ chỉ có thể truyền đạt được rất ít ý tưởng của mình. Nhưng nếu họ không có vốn từ vựng nhất định, họ hoàn toàn không thể diễn tả được điều gì trong giao tiếp. Như vậy, từ vựng là công cụ giúp người học có thể tiến hành giao tiếp thành công. Ngoài ra, từ vựng là nền tảng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác như: đọc hiểu, nghe hiểu, nói, viết. Với mong muốn giúp giảng viên và sinh viên khắc phục khó khăn trong quá trình dạy và học tiếng Anh chuyên ngành khi tiếp cận hệ thống các từ và thuật ngữ nghiệp vụ, trong phạm vi bài viết này, tác giả muốn vận dụng nghiên cứu “Cấu tạo từ phái sinh tiếng Anh xét từ góc độ phương thức cấu tạo” để khảo sát phương thức cấu tạo và ngữ nghĩa của hệ thống từ trong các giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành đang giảng dạy tại trường Đại học Cảnh sát Nhân dân. Trên cơ sở đó, giảng viên và sinh viên dễ dàng suy đoán, nắm bắt nhanh nhất ngữ nghĩa của hệ thống từ tiếng Anh chuyên ngành. Xa hơn nữa, trên cơ sở khoa học về từ phái sinh, người dạy và người học còn có thể tạo ra lớp từ mới để sử dụng trong quá trình dạy và học.

Từ khóa: từ vựng, từ phái sinh, tiếng Anh chuyên ngành, thuật ngữ nghiệp vụ

Abstract

APPLYING THE CHARACTERISTICS OF DERIVING WORDS' STRUCTURE IN ENGLISH TO ENRICH ENGLISH FOR SPECIFIC PURPOSES ON POLICING

Vocabulary plays a very important role in the process of learning foreign languages. According to Wilkins (1972), if learners do not learn grammar, they are only able to convey very few of their ideas. But if they do not have certain vocabulary, they absolutely cannot express anything in their communication. Therefore, vocabulary is a tool helping people carry out the communication successfully. Moreover, it is the

foundation for developing other language skills, such as: reading comprehensive, listen comprehensive, speaking, writing. With the desire to help teachers and students overcome difficulties in teaching and learning English for Specific Purposes (ESP) when approaching with the system of professional words and terms, in this article, the authors would like to apply researches: “The structure of English deriving words from the perspective of structural method” in order to explore the structure and semantics of the word system in ESP coursebooks taught at the People’s Police University. On that basis, teachers and students easily guess and grasp the fastest semantics of the ESP word systems. Furthermore, on the scientific basis of deriving words, teachers and learners are able to create new classes of words applied in the teaching and learning process.

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển không ngừng về mọi mặt của xã hội, trong những năm gần đây, khoa học kỹ thuật nói chung và một số ngành khoa học mới được hình thành và không ngừng phát triển. Hiện thực này đã đưa đến một việc là trong ngôn ngữ, có một lớp từ vựng mới được hình thành để biểu đạt các khái niệm, đối tượng mới, phục vụ cho nhu cầu giao tiếp và phản ánh. Trong số các từ mới này, có một lớp từ được hình thành theo phương thức PHÁI SINH, và với “hình thức cũ, nội dung mới” lớp từ này chiếm vị trí quan trọng trong việc đặt tên cho các sự vật, hiện tượng mới phù hợp với xu thế phát triển, bùng nổ thông tin của thế giới hiện đại. Lớp từ này tạo nên một hệ thống, chiếm số lượng không nhỏ và tạo thành một xu thế, một đặc điểm trong vốn từ tiếng Anh hiện tại, có vai trò, vị trí không nhỏ trong hoạt động giao tiếp.

Tuy nhiên, cho đến nay, lớp từ phái sinh tiếng Anh vẫn còn chưa được nghiên cứu một cách toàn diện. Từ phái sinh tiếng Anh chủ yếu được nghiên cứu ở bình diện hình thức cấu tạo. Ngữ nghĩa của từ phái sinh hầu như chưa được nghiên cứu trong mối quan hệ với hình thức cấu tạo của chúng.

Với một hệ thống các từ và thuật ngữ nghiệp vụ tiếng Anh chuyên ngành hầu như khá mới mẻ thì không chỉ sinh viên mà ngay cả giảng viên cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình dạy và học, không tự tin trong nghe, nói, đọc, viết. Để khắc phục khó khăn này cho người dạy và người học, tác giả đã nghiên cứu cách vận dụng các đặc điểm về phương thức cấu tạo của từ phái sinh trong tiếng Anh để không ngừng làm sản sinh nguồn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Cảnh sát nhằm giúp giảng viên và sinh viên tiếp cận và lĩnh hội ngôn ngữ một cách hiệu quả nhất.

2. Khái niệm từ phái sinh

Theo Kansevich (1998), thì từ phái sinh được định nghĩa là “từ sinh ra do kết quả của quá trình cấu tạo từ (sự phái sinh) gọi là từ phái sinh”.

Theo ông, “Các phụ tố tạo nên những từ mới được gọi là các phụ tố cấu tạo từ. Quá trình cấu tạo từ không chỉ gồm sự tăng thêm mà còn gồm cả sự giảm đi của các phụ tố nữa... Từ mà từ đó tạo ra các từ khác được gọi là **từ phát sinh**; cũng có thể nói đến thân từ phát sinh nếu đơn vị trung tâm nói đến trong quá trình cấu tạo từ là thân từ. Từ sinh ra do kết quả của quá trình cấu tạo từ (*sự phái sinh*), gọi là **từ phái sinh**.

Các từ phức là kết quả của quá trình cấu tạo từ mà trong đó diễn ra sự ghép các gốc từ, thân từ và các từ hình, và đồng thời với quá trình này, hiện tượng phụ tố hóa cũng được sử dụng. Từ quan điểm trên, chúng tôi thấy rằng, từ phái sinh được tạo ra bằng các phương thức chủ yếu sau đây:

– Ghép các từ gốc, thân từ hoặc từ hình, và đồng thời với quá trình này, hiện tượng phụ tố hóa cũng được thực hiện.

– Phụ gia phụ tố vào căn tố hoặc thân từ

– Chuyển loại từ: trường hợp đặc biệt của cấu tạo từ

Và ngữ pháp chỉ chú ý đến các quá trình cấu tạo từ có tính sản sinh, tức có thể tạo ra một hệ thống các từ mới có cùng một loại ý nghĩa. Với cách hiểu như vậy, trong tiếng Anh, ta sẽ có hai loại từ phái sinh:

Loại 1: Đó là những từ phái sinh được tạo ra bằng cách kết hợp các hình vị phái sinh vào một từ gốc đã có. Đây được gọi là từ phái sinh có tiếp tố. Loại này, vì vậy, có sự thay đổi về hình thái so với từ gốc bởi sự có mặt của các hình vị phái sinh.

Loại 2: Đó là những từ phái sinh không có hình vị phái sinh, được tạo ra bằng phương thức chuyển loại từ. Đây là từ phái sinh không có tiếp tố, và vì vậy chúng không có sự khác nhau về hình thái so với từ gốc.

3. Khảo sát phương thức cấu tạo của từ phái sinh trong hệ thống từ vựng của các giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Cảnh sát

Phần nghiên cứu về cấu tạo từ phái sinh tiếng Anh xét từ góc độ phương thức cấu tạo, tác giả đã khảo sát và kết luận về cấu tạo của lớp từ phái sinh có hình vị phái sinh **hậu tố** và lớp từ phái sinh có hình vị phái sinh **tiền tố**. Vấn đề này, nếu xét trên diện rộng thì rất phong phú, rất đa hình thức và đa ngữ nghĩa. Trong phạm vi hệ thống từ chuyên ngành Cảnh sát trong giáo trình English for Law Enforcement, English for Investigators, English for Forensic Science tác giả thấy nổi lên một số yếu tố chính sau đây:

3.1. Từ phái sinh có hình vị phái sinh hậu tố

Từ phái sinh có hình vị phái sinh hậu tố được cấu tạo bằng cách đặt một hình vị phái sinh hậu tố vào sau căn tố hay từ gốc. Loại từ này thường làm thay đổi từ loại hay chức năng ngữ pháp của từ gốc.

– Thành tố gốc là động từ chỉ hành động, kết hợp với hình vị phái sinh hậu tố để tạo thành danh từ chỉ người làm công việc đó.

Thành tố gốc là động từ (hoặc thân từ của động từ)	Hình vị phái sinh hậu tố	Danh từ phái sinh chỉ người làm nghề đó
	-or	
Investigate Advise Invent		Investigator Advisor Inventor
	-er	
Rob Offend Arrest Prison Smuggle		Robber Offender Arrester Prisoner Smuggler
	-ent	
Superintend Study Respond Correspond		Superintendent Student Respondent Correspondent
	-man	
Police Chair Fire Gun		Policeman Chairman Fireman Gunman
	-ant	
Attend Assist Inform		Attendant Assistant Informant

Từ gốc là động từ, kết hợp với hình vị phái sinh hậu tố -tion, -ment để tạo thành các danh từ chỉ hoạt động cùng nghĩa

-tion			-ment		
Investigate	-	investigation	Imprison	-	imprisonment
Act	-	action	State	-	statement
Prosecute	-	prosecution	Imprute	-	imbrutement
Incriminate	-	Incrimination	Judge	-	Judgement
Acquire	-	Acquisition	Amend	-	Amendment
Convict	-	Conviction	Assess	-	Assessment
Allege	-	Allegation	Improve	-	Improvement
Determine	-	Determination	Establish	-	Establishment
State	-	Station	Equip	-	Equipment
Inform	-	Information	Develop	-	Development
			Punish	-	Punishment

Từ gốc là các động từ, kết hợp với hình vị phái sinh eryl để tạo thành các từ phái sinh là danh từ chỉ hành động.

Thành tố gốc Động từ	Hình vị phái sinh - eryl	Từ phái sinh Danh từ chỉ hành động
Bibe Discover Deliver Master Robber		Bribery Discovery Delivery Mastery Robbery

3.2. Từ phái sinh có hình vị phái sinh tiền tố

Từ phái sinh có hình vị {counter-}: Biểu thị nghĩa đối kháng với hành động, hoạt động khác

Thành tố gốc Động từ - Danh từ	Hình vị phái sinh	Từ phái sinh
Attack Accusation Blow Irritant Bid	counter-	counterattack (sự phản công) counteraccusation (sự kháng án) counterblow (cú đánh trả) counter irritant (thuốc giảm đau) counter-bid (đổi phía)

Từ phái sinh có hình vị {hand-}: Biểu thị vật được thiết kế để vận hành bằng tay hoặc vật nhỏ bé để có thể mang bằng tay để sử dụng dễ dàng

Thành tố gốc Danh từ (chỉ vật)	Hình vị phái sinh	Từ phái sinh Danh từ
Bag Stand Bill Cuffs Loom Grenade	hand-	handbag (túi xách tay) handstand (trông cây chuối (đi bằng tay)) handbill (tờ quảng cáo phát tay) handcuffs (còng tay, khoá tay) handgun (súng lục) handloom (khung cửi dệt tay) hand-grenade (lựu đạn ném bằng tay)

Từ phái sinh có hình vị {il-, im-, in-, ir-}: Biểu thị ý nghĩa ngược với nghĩa của danh từ (tính từ gốc)

Thành tố gốc Tính từ (hoặc danh từ có liên quan đến tính từ)	Hình vị phái sinh il-, im-, in-, ir-	Từ phái sinh Danh từ và tính từ
Legal Literate Mature Perfect Adequate Audible Relevant Resistible		illegal (không hợp pháp) illiterate (không có học, mù chữ) immature (không chín chắn) imperfect (không hoàn thành, hoàn hảo) inadequate (không tương xứng) inaudible (không thể nghe thấy) irrelevant (không có liên quan) irresistible (không thể cưỡng lại)

3.3. Ngữ nghĩa của từ phái sinh có hình vị phái sinh

3.3.1. Tạo nghĩa từ lớp từ phái sinh

Trong hệ thống thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành cảnh sát có các phụ tố có khả năng tạo từ mới, làm thay đổi chức năng ngữ pháp và cộng thêm nét nghĩa mới cho thuật ngữ.

– Các hình vị hậu tố và có khả năng tạo từ mới, làm thay đổi chức năng ngữ pháp và cộng thêm nét nghĩa mới cho thuật ngữ như:

Thuật ngữ	Thuật ngữ mới
rob (cướp)	robber (kẻ cướp)
devorce (ly dị)	divorcee (người đã ly dị)
investigate (điều tra)	investigator (điều tra viên)
arson (đốt nhà)	arsonist (kẻ đốt nhà)
punish (trừng phạt)	punishment (sự trừng phạt)
examine (giám định)	examination (sự giám định)
guilt (lỗi)	guilty (có lỗi)
legal (hợp pháp)	legalize (hợp pháp hóa)
personal (cá nhân)	personalize (cá nhân hóa)

– Các hình vị tiền tố có khả năng cộng thêm nét nghĩa mới cho thuật ngữ như:

Thuật ngữ	Thuật ngữ mới
trafficking (buôn lậu)	anti-trafficking (chống buôn lậu)
form (cải tạo)	reform (cải tạo lại)
obey (tuân lệnh)	disobey (không tuân lệnh)
arrest (bắt)	post arrest (sau khi bắt)
law (luật pháp)	outlaw (ngoài vòng pháp luật)
appear (xuất hiện)	disappear (biến mất)
force (thúc ép)	enforce (bắt buộc tuân theo)
create (hình thành)	recreate (tái tạo)

3.3.2. Tạo nghĩa từ lớp từ ghép

– Tạo nghĩa từ lớp từ ghép đẳng lập

Trong từ ghép đẳng lập, quan hệ ngữ pháp giữa các thành tố là bình đẳng nhưng quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành tố chưa hẳn có giá trị ngang nhau trong mọi trường hợp. Dựa vào quan điểm về mức độ “từ hóa” của từ ghép đẳng lập (Lê, 2003), từ ghép đẳng lập được chia làm hai loại: loại mang ý nghĩa thành ngữ (mức độ từ hóa cao) và loại không mang ý nghĩa thành ngữ (mức độ từ hóa thấp).

Từ ghép đẳng lập mang ý nghĩa thành ngữ: Là nhóm từ ghép đẳng lập có mức độ từ hóa cao, nghĩa của từ ghép chỉ có thể suy diễn một phần từ một thành tố (ý nghĩa thành ngữ không hoàn toàn) trong thuật ngữ “*cut – throat*”; tuy ý nghĩa của từ “*cut*” và “*throat*” có ít nhiều gợi nên nghĩa của hành động “cắt” và “cổ” nhưng không đưa đến nghĩa của thuật ngữ là “kẻ giết người”. Hay nghĩa của thuật ngữ hoàn toàn không thể suy diễn được từ nghĩa của các thành tố cấu tạo (ý nghĩa thành ngữ hoàn toàn) trong thuật ngữ “*blackmail*” (tội tống tiền), nghĩa của thuật ngữ này không được giải thích từ các từ “*black*” là “đen” và “*mail*” là “thư”.

Từ ghép đẳng lập không mang ý nghĩa thành ngữ: Tùy theo ranh giới ngữ nghĩa giữa các thành tố, mà chúng có thể “liên kết” hay “hòa kết” với nhau. Các thành tố trong thuật ngữ liên kết với nhau tạo ra nghĩa thuật ngữ trong các thuật ngữ: *crime scene* (hiện trường vụ án), *bloodstain* (dấu máu), hay *police dog* (chó nghiệp vụ).

– Tạo nghĩa từ lớp từ ghép chính phụ

Loại từ ghép này được dùng phổ biến trong thuật ngữ chuyên ngành cảnh sát tiếng Anh. Yếu tố phụ làm rõ nghĩa hay hạn định tính chất cho yếu tố chính. Chẳng hạn dùng

thuật ngữ “*law*” (luật) với tư cách là từ đơn dùng để chỉ khái niệm, nghĩa của thuật ngữ này rất rộng để nói về “*hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội*” (Lê Minh Tâm, 2005).

Nhưng khi thuật ngữ “*law*” trở thành thành tố chính trong thuật ngữ “*traffic law*” (luật giao thông) thì nghĩa của thuật ngữ được hạn định lại trong một phạm vi khoa học nhất định, có khả năng biểu thị khái niệm khoa học một cách ổn định và chính xác (*Luật giao thông là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực đảm bảo trật tự an toàn giao thông*) (Đỗ Đình Hòa, 2002).

Thuật ngữ “*birthmark*” không được tạo nghĩa từ nghĩa đen của từ “*birth*”(sinh ra) kết hợp với nghĩa “*mark*”(dấu) mà nghĩa của thuật ngữ “*birthmark*” phải được kết hợp của những đơn vị có cấu trúc chặt chẽ và mang tính thành ngữ về mặt ngữ nghĩa có chức năng định danh một hiện tượng khoa học trong lĩnh vực chuyên môn, một đặc điểm dùng để nhận dạng người trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật hình sự như vậy thuật ngữ “*birthmark*” phải mang nghĩa là “*vết chàm*”.

Tuy nằm trong cùng một loại hệ thống từ, nhưng mỗi thuật ngữ có nét đặc trưng riêng dùng để khu biệt khái niệm khoa học này với khái niệm khoa học khác, chẳng hạn:

– Thuật ngữ “*police force - the police organization in a particular area*” một tổ chức công an ở nơi nào đó và khi chuyển dịch sang tiếng Việt là “*lực lượng cảnh sát*”.

– Thuật ngữ “*police woman - a woman who is a member of a police force*”, một phụ nữ thành viên của lực lượng cảnh sát, nên khi chuyển dịch sang tiếng Việt là “*nữ cảnh sát*”.

Tương tự như vậy với các thuật ngữ:

– *Child abuse* (tội lạm dụng trẻ em), nhưng *drug abuse* (tội lạm dụng ma túy)

– *Biological examination* (giám định sinh học) nhưng *biological traces* (dấu vết sinh học).

Các thành tố phụ trong từ ghép đóng vai trò quan trọng trong việc thông báo rõ bản chất của hoạt động, của công việc hay lĩnh vực hoạt động cụ thể của thành tố chính, do đó khi chuyển dịch sang tiếng Việt chúng ta phải chú ý đến ý nghĩa biểu niệm của thuật ngữ như thuật ngữ “*police car*” chúng ta không dịch nghĩa của hai thành tố POLICE + CAR (cảnh sát + xe hơi = *xe hơi của cảnh sát*) mà phải dịch là (*xe chuyên dụng*); hay thuật ngữ “*police dog*” dịch là (*chó nghiệp vụ*).

– *Tạo nghĩa từ cụm từ*

Khác với thuật ngữ là từ, thuật ngữ là cụm từ có cấu trúc phức tạp hơn, chúng có thể là cụm gồm hai thành tố *reconnaissance tactics* (chiến thuật trinh sát), ba thành tố

police professional prevention (phòng ngừa nghiệp vụ) hay cụm gồm nhiều thành tố. Thuật ngữ là cụm từ có thể là cụm danh từ, cụm động, hay cụm trạng.

Khi nói đến thuật ngữ là cụm từ, tức là nói đến mối quan hệ chính phụ giữa các thành tố, nói đến thành tố trung tâm và các thành tố phụ trước, phụ sau. Thành tố trung tâm mang nội dung nghĩa cơ bản, dùng để gọi tên khái niệm, các hiện tượng, sự việc, và những thành tố phụ làm nhiệm vụ giải thích, tăng nghĩa cho thành tố chính làm cho nghĩa của thuật ngữ chi tiết hơn, cụ thể hơn và có tính khu biệt rõ ràng. Ví dụ: *theft* (tội trộm cắp) nói chung, nhưng *motor vehicle theft* (tội trộm cắp tài sản) hay *murder* (tội giết người), *murder of women* (tội giết phụ nữ) và *murder of women who are known by offender to be pregnant* (tội giết phụ nữ mà biết là người phụ nữ có thai).

Ngôn ngữ nào trên thế giới cũng có hiện tượng vay mượn từ để mở rộng và làm giàu vốn từ vựng của mình. Tiếng Anh cũng là một ngôn ngữ như thế, sau khi khảo sát 200 thuật ngữ chuyên ngành, có một điều rất đáng chú ý là các thuật ngữ chuyên ngành cảnh sát chủ yếu là các từ vay mượn từ các nguồn ngoại lai như La tinh, Pháp và Hy Lạp... đặc biệt là La tinh và Hi Lạp. Đây cũng là một lợi thế rất lớn của hệ thuật ngữ chuyên ngành cảnh sát tiếng Anh. Việc bắt nguồn từ hai ngôn ngữ La tinh và Hy Lạp giúp cho các thuật ngữ này có tính hệ thống và phổ biến cao cả về hình thức lẫn nội dung khái niệm.

Theo quan sát của chúng tôi, năng lực hoạt động tạo từ mới của các phụ tố trong tiếng Anh là rất lớn. Các phụ tố có khả năng sản sinh mạnh, đặc biệt là các phụ tố có nguồn gốc ngoại lai.

Ví dụ:

Từ tiền tố *anti* – có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp có thể sản sinh ra một loạt thuật ngữ mang nghĩa “chống” như: *antiburglar* (chống trộm cắp), *anti – terrorism* (chống khủng bố), *anti – trafficking* (chống buôn lậu), *antibody* (chất kháng thể), *anti – bomb* (chống ném bom), *antibusiness* (chống lại giới kinh doanh), *anticapitalist* (người chống chủ nghĩa tư bản), *anticigarette* (chống thuốc lá) hay *anti – government* (phản đối chính phủ)...

Ví dụ:

Từ hậu tố – *cide* của tiếng La tinh có thể sản sinh ra rất nhiều thuật ngữ mang nghĩa “giết” hay “hành vi giết” như: *filicide* (hành vi giết trẻ con), *fratricide* (tội giết người – nạn nhân là anh/em trai), *homicide* (tội giết người), *infanticide* (tội giết con mới đẻ), *matricide* (tội giết người – mà nạn nhân là mẹ của người đó), *parricide* (tội giết người – mà nạn nhân là cha của người đó), *sororicide* (tội giết người – nạn nhân là chị/em gái), *suicide* (tự tử), *uxoricide* (tội giết người – nạn nhân là vợ), *mariticide* (tội giết người – nạn nhân là chồng)...

Tiếng Anh là một ngôn ngữ thuộc loại hình khuất chiết nhưng lại được xếp vào nhóm phân tích. Nghĩa là việc cấu tạo từ tiếng Anh đã bớt phần biến hình và có thêm phương thức hư từ, trật tự từ (mặc dù phương thức hư từ và trật tự từ không phải là một

phương thức điền hình của tiếng Anh). Về mặt cấu tạo từ, tiếng Anh cũng chủ yếu được cấu tạo bằng phương thức phái sinh (phái sinh phụ tố). Nếu xét ở bình diện ngữ nghĩa và cách sử dụng mà các phụ tố đó thể hiện, chúng ta có thể thấy trong tiếng Anh các phụ tố được chia làm các nhóm chỉ các phạm trù đặc trưng (phủ định, chỉ người, chỉ ngành khoa học...) và khi được dịch ra tiếng Việt chúng tương đương với nhóm từ của tiếng Việt.

Ví dụ:

– Phạm trù chỉ sự phủ định

Tiếng Anh	Tiếng Việt
dis- trong <i>disappear</i>	biến mất
il (+l)- trong <i>illegal</i>	bất hợp pháp
non- trong <i>non-stop</i>	không dừng lại

– Phạm trù chỉ khả năng

Tiếng Anh	Tiếng Việt
-able trong <i>writeable</i>	có khả năng viết được
-ible trong <i>visible</i>	có thể nhìn thấy

– Phạm trù chỉ người

Tiếng Anh	Tiếng Việt
-or trong <i>investigator</i>	điều tra viên
-ant trong <i>appellant</i>	người chống án
-ee trong <i>detainee</i>	người bị tạm giữ (do tình nghi)
-ist trong <i>terrorist</i>	kẻ khủng bố

Ghép từ cũng là phương thức tạo từ mới phổ biến của tiếng Anh, có thể ghép từ tạo thành danh từ ghép, động từ ghép hay các ngữ theo các mô hình cấu tạo đã đề cập ở phần trên.

Ví dụ: Từ thuật ngữ “*police*”, áp dụng mô hình ghép NOUN + NOUN chúng ta có thể ghép và tạo ra vô số thuật ngữ mới như: *police ambulance* (xe cứu thương chuyên dụng), *police captain* (đại úy cảnh sát), *police dog* (chó nghiệp vụ), *police force* (lực lượng cảnh sát), *police man* (nam cảnh sát), *police officer* (sĩ quan cảnh sát), *police plane* (máy bay chuyên dụng), *police sergeant* (hạ sĩ quan cảnh sát), *police station* (trạm cảnh sát) hay *police woman* (nữ cảnh sát)...

Các phương thức tạo từ mới của tiếng Anh như phương thức phái sinh phụ tố hay phương thức ghép từ là cơ sở để tạo ra nguồn ngữ liệu thuật ngữ vô cùng lớn, giúp chúng ta xây dựng kho ngữ liệu và thiết kế ngân hàng thuật ngữ Anh - Việt chuyên ngành cảnh sát.

Việc tiến hành nghiên cứu đặc điểm của hệ thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành cảnh sát không phải chỉ để biết các thuật ngữ có nguồn gốc ở đâu, cấu tạo, ngữ nghĩa và

cách sử dụng như thế nào, mà còn để tiến hành so sánh đối chiếu với hệ thuật ngữ tiếng Việt chuyên ngành cảnh sát. Điều này giúp chúng ta tìm ra những điểm chung và các nét riêng biệt của các thuật ngữ chuyên ngành của hai ngôn ngữ nhằm đề xuất các kỹ thuật dịch thuật ngữ cho phù hợp.

4. Kết luận

Qua việc nghiên cứu đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của từ phái sinh tiếng Anh, xét về phương thức cấu tạo, từ phái sinh tiếng Anh được tạo nên chủ yếu từ hai phương thức:

– Ở phương thức phụ gia, hình vị phái sinh gồm hai tiểu loại: Phụ gia hình vị tiền tố và phụ gia hình vị hậu tố. Các hình vị phái sinh tham gia vào việc cấu tạo nên từ phái sinh có số lượng lên đến hàng trăm, và với mỗi hình vị phái sinh, có thể tạo nên hàng chục, thậm chí hàng trăm từ phái sinh. Như vậy, từ phái sinh có sức sản sinh rất lớn, tạo một số lượng không nhỏ và chúng tạo nên một hệ thống có tính đặc thù về phương thức, cách thức cấu tạo, từ đó tạo nên tính đặc thù về cấu tạo từ trong ngôn ngữ này nói riêng, trong các ngôn ngữ thuộc loại hình khuất chiết nói chung.

– Ở phương thức chuyển loại từ thì tất nhiên là hình thái của từ phái sinh và từ gốc tạo nên nó không có sự khác nhau nào cả, và vì vậy, có thể nói đây là cách cấu tạo từ đặc biệt.

Xét về từ loại, các từ phái sinh có hai khả năng: có sự khác nhau với từ gốc và không khác với từ gốc.

Như vậy, từ phái sinh hoàn toàn có thể chuyển đổi hoặc không chuyển đổi từ loại so với từ gốc. Sự chuyển đổi về từ loại của từ phái sinh chủ yếu thể hiện ở các từ là thực từ, như danh từ, động từ, tính từ. Sự chuyển đổi này là chuyển đổi chủ yếu trong nội bộ các thực từ với nhau. Sự chuyển đổi về từ loại ở từ phái sinh có xu hướng là danh hóa, động hóa hoặc tính hoá các động (tính) từ, các danh (tính) từ, các danh (động) từ gốc. Ngoài ra, sự chuyển đổi từ loại của từ phái sinh cũng có nghĩa và đi kèm theo đó là sự chuyển đổi nghĩa từ vựng của chúng. Điều này càng khẳng định thêm nhận định: Không có sự thay đổi nào về hình thức (dù là thay đổi bằng cách chuyển loại từ) mà không dẫn đến sự thay đổi về mặt nội dung ngữ nghĩa.

Nghiên cứu cấu tạo từ tiếng Anh nói chung, từ phái sinh nói riêng cho thấy một thực tế là tiếng Anh có phương thức cấu tạo từ thật phong phú. Nó vừa mang tính quy luật, đồng thời cũng nhiều trường hợp không có quy luật. Việc nghiên cứu đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của lớp từ phái sinh tiếng Anh phần nào làm sáng tỏ và hoàn chỉnh lý thuyết cấu tạo từ, giúp cho người học tiếng Anh cách thức xây dựng và làm giàu một cách nhanh chóng vốn từ vựng, đồng thời nghiên cứu cũng là một nguồn tài liệu tham khảo giúp ích cho người có nhu cầu nghiên cứu về vấn đề từ phái sinh tiếng Anh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bauer. L. (1987). *English Word Formation*. Cambridge University Press.
- [2] Charles Boyle, Ileana Chersan (2009). *English for Law Enforcement*. Macmilan Press.
- [3] Đỗ Đình Hòa, (2002). *Giáo trình Luật giao thông*. Học viện Cảnh sát nhân dân.
- [4] Đỗ Hữu Châu (1997). *Các bình diện của từ và từ Tiếng Việt*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- [5] Đỗ Thị Bích Lại (2000). *Đặc điểm cấu tạo, ngữ nghĩa và ngữ pháp của từ ghép đẳng lập tiếng Việt*. (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường). Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP. HCM.
- [6] Hồ Lê, (2003). *Cấu tạo từ tiếng Việt hiện đại*. NXB Khoa học xã hội Hồ Chí Minh.
- [7] Lê Hương Hoa (2014). *English for Investigators*. Trường Đại học cảnh sát nhân dân.
- [8] Lê Minh Tâm (2005). *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*. NXB Pháp lý.
- [9] Mai Ngọc Chừ và cộng sự (2000). *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Micheal Mc Carthy (2000). *Vocabulary*. Oxford University Press.
- [11] Micheal Mc Carthy (2001). *Issues in Applied Linguistics*. Cambridge University Press.
- [12] Nguyễn Thị Bích Hương (2011). *English for Forensic Science*. Trường Đại học cảnh sát nhân dân.
- [13] V.B.Kansevich (1998). *Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương*. NXB Giáo dục.
- [14] Wilkins, D.A (1972). *Linguistics in Language Teaching Australia*: Edward Arnold.